

Số: 164/2023/QĐST-DS

N, ngày 13 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải T1 ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 297/2023/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải T1 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải T1, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1922.

Địa chỉ: 31B M, phường A, quận N, T1 phố C.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh 1976.

Địa chỉ: số 137 Đ, khu vực B, phường A1, quận B, T1 phố C.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 573/6 M, phường A, quận N, T1 phố C.

Đại diện ủy quyền: Bà **Lê Ngọc T2**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 573/6 M, phường A, quận N, T1 phố C (HĐUQ ngày 14/02/2023).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

- Ông Nguyễn Văn T đồng ý tặng cho bà Nguyễn Thị S phần đất với diện tích là 64,3m2, đất CLN – Phần A theo Bản trính đo địa chính số 861/TTKTTNMT ngày

14/8/2023 của Trung T kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở TNMT T1 phố C lập, đất thuộc một phần thửa số 253, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại phường A, quận N, T1 phố C.

- Bà Nguyễn Thị S tự nguyện hỗ trợ lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 60.000.000 đồng. Về thời gian và cách giao số tiền 60.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì ông T có quyền làm đơn yêu cầu Thi hành án. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Sau khi bà Nguyễn Thị S hoàn T1 xong nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn T số tiền 60.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị S được toàn quyền sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích 64,3m², đất CLN – Phần A theo Bản trính đo địa chính số 861/TTKTTNMT ngày 14/8/2023 của Trung T kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở TNMT T1 phố C lập, đất thuộc một phần thửa đất số 253, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại phường A, quận N, T1 phố C. Bà Nguyễn Thị S được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đề đứng tên bà Nguyễn Thị S.

(kèm theo bản trích đo địa chính số 861/TTKTTNMT ngày 14/8/2023 của Trung T kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở Tài nguyên và môi trường T1 phố C lập).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí không có giá ngạch, nhưng bà Nguyễn Thị S được miễn án phí do bà S là người cao tuổi (trên 60 tuổi).

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét về tạm ứng án phí.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu 5.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng 5.000.000 đồng, bị đơn bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả lại cho ông T số tiền 5.000.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận N;
- Thi hành án quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Diễm Trang